

NGHỊ QUYẾT

**Về việc thẩm định kết quả đánh giá chất lượng
chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Khoa học máy tính
của Đại học Kinh tế Quốc dân**

HỘI ĐỒNG KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

Căn cứ Thông tư số 04/2025/TT-BGDĐT ngày 17 tháng 02 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về kiểm định chất lượng chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

Căn cứ Quyết định số 685/QĐ-KĐCLGDTL ngày 04 tháng 7 năm 2025 của Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục Thăng Long về việc kiện toàn nhân sự Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục;

Căn cứ hồ sơ thẩm định kết quả đánh giá chất lượng giáo dục chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Khoa học máy tính của Đại học Kinh tế Quốc dân;

Căn cứ kết quả thẩm định của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục phiên họp thứ 22 ngày 22 tháng 10 năm 2025.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thống nhất với kết quả đánh giá chất lượng giáo dục chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Khoa học máy tính của Đại học Kinh tế Quốc dân. Đoàn Đánh giá ngoài đã thực hiện đánh giá chất lượng giáo dục chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Khoa học máy tính của Đại học Kinh tế Quốc dân đúng quy định hiện hành.

Kết quả đánh giá chất lượng giáo dục chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Khoa học máy tính của Đại học Kinh tế Quốc dân sau thẩm định là: Số tiêu chí được đánh giá “Đạt” từ 4 điểm trở lên là 46 tiêu chí chiếm 92%, trong đó mỗi tiêu chuẩn có ít nhất 50% số tiêu chí đạt yêu cầu (Chi tiết trong Phụ lục I kèm theo Nghị quyết này).

Điều 2. Kiến nghị Đại học Kinh tế Quốc dân cần thực hiện các nhóm giải pháp nâng cao chất lượng giáo dục chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Khoa học máy tính (Chi tiết trong Phụ lục II kèm theo Nghị quyết này).

Điều 3. Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục đề nghị Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục Thăng Long cấp Giấy chứng nhận kiểm định chất lượng chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Khoa học máy tính của Đại học Kinh tế Quốc dân theo quy định hiện hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Hội đồng KĐCLGD;
- ĐH Kinh tế Quốc dân;
- Lưu: VT.

**TM. HỘI ĐỒNG
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Văn Đường



Phụ lục I
KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG

**Chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Khoa học máy tính
của Đại học Kinh tế Quốc dân**

*(Kèm theo Nghị quyết số 111/NQ-HĐKĐCLGD ngày 23/10/2025
của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục)*

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Đánh giá tiêu chí	Tổng hợp theo tiêu chuẩn			Tiêu chuẩn, tiêu chí	Đánh giá tiêu chí	Tổng hợp theo tiêu chuẩn		
		Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỷ lệ số tiêu chí đạt (%)			Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỷ lệ số tiêu chí đạt (%)
Tiêu chuẩn 1		4,00	3	100	Tiêu chuẩn 7		4,00	5	100
Tiêu chí 1.1	4				Tiêu chí 7.1	4			
Tiêu chí 1.2	4				Tiêu chí 7.2	4			
Tiêu chí 1.3	4				Tiêu chí 7.3	4			
Tiêu chuẩn 2		3,67	2	66,67	Tiêu chí 7.4	4			
Tiêu chí 2.1	4				Tiêu chí 7.5	4			
Tiêu chí 2.2	3				Tiêu chuẩn 8		4,40	5	100
Tiêu chí 2.3	4				Tiêu chí 8.1	5			
Tiêu chuẩn 3		3,67	2	66,67	Tiêu chí 8.2	4			
Tiêu chí 3.1	4				Tiêu chí 8.3	4			
Tiêu chí 3.2	3				Tiêu chí 8.4	5			
Tiêu chí 3.3	4				Tiêu chí 8.5	4			
Tiêu chuẩn 4		4,00	3	100	Tiêu chuẩn 9		4,40	5	100
Tiêu chí 4.1	4				Tiêu chí 9.1	4			
Tiêu chí 4.2	4				Tiêu chí 9.2	5			
Tiêu chí 4.3	4				Tiêu chí 9.3	4			
Tiêu chuẩn 5		3,80	4	80,00	Tiêu chí 9.4	5			
Tiêu chí 5.1	4				Tiêu chí 9.5	4			
Tiêu chí 5.2	4				Tiêu chuẩn 10		4,00	6	100
Tiêu chí 5.3	3				Tiêu chí 10.1	4			
Tiêu chí 5.4	4				Tiêu chí 10.2	4			
Tiêu chí 5.5	4				Tiêu chí 10.3	4			
Tiêu chuẩn 6		4,00	7	100	Tiêu chí 10.4	4			
Tiêu chí 6.1	4				Tiêu chí 10.5	4			
Tiêu chí 6.2	4				Tiêu chí 10.6	4			
Tiêu chí 6.3	4				Tiêu chuẩn 11		4,00	4	80,00
Tiêu chí 6.4	4				Tiêu chí 11.1	3			
Tiêu chí 6.5	4				Tiêu chí 11.2	4			
Tiêu chí 6.6	4				Tiêu chí 11.3	5			
Tiêu chí 6.7	4				Tiêu chí 11.4	4			
					Tiêu chí 11.5	4			

Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỷ lệ số tiêu chí đạt (%)
4,02	46	92



Phụ lục II KIẾN NGHỊ CẢI TIẾN CHẤT LƯỢNG

Chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Khoa học máy tính của Đại học Kinh tế Quốc dân

(Kèm theo Nghị quyết số 111/NQ-HĐKĐCLGD ngày 23/10/2025
của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục)

I. NHỮNG ĐIỂM MẠNH NỔI BẬT

Kết quả đánh giá chất lượng chương trình đào tạo (CTĐT) trình độ đại học ngành Khoa học máy tính (KHMT) của Đại học Kinh tế Quốc dân, giai đoạn 2019 - 2024 cho thấy có những điểm mạnh cần tiếp tục phát huy như sau:

1. Mục tiêu và chuẩn đầu ra CTĐT được xác định rõ ràng, thể hiện kỳ vọng và yêu cầu về kiến thức, kỹ năng, mức độ tự chủ và trách nhiệm của người học sau khi hoàn thành CTĐT. Chuẩn đầu ra của CTĐT bao quát yêu cầu chung và chuyên biệt của ngành KHMT; phản ánh yêu cầu của các bên liên quan, được định kỳ rà soát, cập nhật được công bố công khai trên các kênh để các bên liên quan dễ dàng tiếp cận.

2. Bản mô tả CTĐT đầy đủ thông tin, được cập nhật các vấn đề mới của lĩnh vực đào tạo. Đề cương chi tiết các học phần có đủ thông tin, được rà soát, bổ sung, điều chỉnh định kỳ theo kế hoạch của Nhà trường. Bản mô tả CTĐT và đề cương học phần đã được rà soát, điều chỉnh vào các năm 2021, 2023 theo quy định và công bố công khai trên website của Trường và Khoa.

3. Chương trình dạy học được thiết kế dựa trên chuẩn đầu ra về kiến thức, kỹ năng và năng lực tự chủ, tự chịu trách nhiệm của người học; có cấu trúc, trình tự logic, nội dung cập nhật, tích hợp các phương pháp kiểm tra đánh giá phù hợp cho học phần lý thuyết và thực tập. Tất cả học phần có đề cương học phần chi tiết, trong đó chuẩn đầu ra, nội dung, phương pháp dạy học và kiểm tra đánh giá. Các học phần được bố trí hợp lý, tổ chức liên thông giữa đại cương, chung nhóm ngành và ngành; bố trí theo từng học kỳ bảo đảm tiến trình nâng dần kiến thức, kỹ năng để đạt được chuẩn đầu ra CTĐT.

4. Triết lý giáo dục của Trường được tuyên bố chính thức, được công khai đến các bên liên quan. Tất cả các đề cương học phần mô tả rõ hoạt động của sinh viên trong từng nội dung học tập, khuyến khích tự học và học tập suốt đời. Các hoạt động dạy học được thể hiện đầy đủ trong đề cương học phần; đã thiết kế rubric, xác định tiêu chí và phương pháp kiểm tra đánh giá cho từng học phần nhằm đạt kiến thức, kỹ năng và mức độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm theo chuẩn đầu ra. Giảng viên sử dụng phương pháp dạy học phù hợp. Hệ thống quản lý học tập với các công cụ SmartDoc, ScoreUp, CodeLab hỗ trợ sinh viên tự tạo báo cáo, ôn tập và tự học lập trình, góp phần bảo đảm đạt chuẩn đầu ra và nâng cao năng lực thích ứng của người học.

5. Hệ thống các quy định, hướng dẫn thiết kế phương pháp kiểm tra đánh giá phù hợp mục tiêu và mức đạt chuẩn đầu ra. Thời gian, phương pháp, tiêu chí, trọng số, địa điểm công bố điểm; thời hạn gửi kết quả về Phòng Khảo thí & Đảm bảo chất lượng giáo dục, thời gian phản hồi cho người học và thời gian lưu trữ bài thi được quy định đầy đủ, rõ ràng. Phương pháp kiểm tra đánh giá đa dạng. Kết quả học tập được phản hồi kịp thời để hỗ trợ cải thiện việc học. Quy định về phản hồi kết quả được phổ biến rộng rãi. Người học được thông báo điểm quá trình trước khi kết thúc học phần để có ý kiến phản hồi.

6. Đội ngũ giảng viên được quy hoạch, phát triển theo định hướng Chiến lược của Trường; tỉ lệ người học/giảng viên duy trì ở mức thấp, đáp ứng quy định. Cơ chế quản lý, quy đổi khối lượng công việc rõ ràng, minh bạch. Năng lực giảng viên được đánh giá qua quy trình nhiều cấp, công khai; đa số hoàn thành tốt/xuất sắc nhiệm vụ. Công tác bồi dưỡng được triển khai thường xuyên, đa dạng. Hoạt động quản trị theo kết quả gắn đánh giá, khen thưởng. Hoạt động nghiên cứu khoa học được định hướng, giám sát và đối sánh định kỳ; giảng viên thực hiện CTĐT có nhiều công bố trong/ngoài nước và tham gia đề tài các cấp.

7. Đội ngũ nhân viên phục vụ được quy hoạch, phát triển theo Chiến lược phát triển Trường và Đề án vị trí việc làm. Các quy định tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển được công khai, triển khai thống nhất. Nhu cầu tuyển dụng được tổng hợp đáp ứng yêu cầu công việc, bảo đảm đủ số lượng và chất lượng. Công tác đánh giá được thực hiện theo tiêu chí rõ ràng, bước đầu áp dụng KPI cho nhân viên hành chính; đồng thời lấy ý kiến về sự hài lòng của bên liên quan. Hoạt động đào tạo, bồi dưỡng được duy trì thường xuyên. Kết quả công việc được giám sát, đánh giá thông qua giao ban tuần/tháng/quý, sơ kết 6 tháng, tổng kết năm và xếp hạng viên chức, bảo đảm minh bạch, hiệu quả.

8. Chính sách, tiêu chí tuyển sinh được quy định trong Đề án tuyển sinh của Trường, phù hợp với quy chế của Bộ Giáo dục & Đào tạo. Việc giám sát tiến độ học tập, rèn luyện và cảnh báo học vụ được quy định rõ ràng, có đơn vị thực hiện, theo dõi, giám sát. Công tác hỗ trợ người học được triển khai với sự tham gia các phòng ban chức năng. Môi trường tâm lý xã hội thân thiện, cảnh quan sư phạm sạch đẹp; Trung tâm dịch vụ hỗ trợ đào tạo vận hành bếp ăn cho sinh viên và cán bộ, giảng viên, nhân viên, đáp ứng vệ sinh môi trường, an toàn thực phẩm, tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động dạy – học và nghiên cứu khoa học.

9. Hệ thống phòng học, phòng làm việc và các phòng chức năng được trang bị đầy đủ các thiết bị cơ bản đáp ứng yêu cầu học tập và nghiên cứu, diện tích sàn đạt 4,48 m²/SV. Thư viện hiện đại, đầy đủ trang thiết bị có đầy đủ phòng đọc, phòng học nhóm, hệ thống kho sách; có không gian đọc mở, có hệ thống máy tính kết nối internet dùng tra cứu và tác nghiệp; có cơ sở dữ liệu phong phú kết nối với cơ sở dữ liệu nước ngoài, có đội ngũ nhân viên được đào tạo chuyên ngành thư viện. Hệ thống phòng thực hành có hệ thống máy tính và các thiết bị hỗ trợ cho các môn học của CTĐT. Hệ thống CNTT được đầu tư đầy đủ với máy tính, hạ tầng và các phần mềm hỗ trợ có bản quyền, được duy tu, bảo dưỡng và nâng cấp hàng năm phục vụ cho đào tạo, NCKH, đáp ứng nhu cầu học tập, giảng dạy trực

tuyến. Hệ thống CNTT hoạt động ổn định, phục vụ tốt cho hệ thống đào tạo online. Các tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe, an toàn được xác lập theo các quy định hiện hành và được triển khai thực hiện theo các quy định của Trường ban hành.

10. Hệ thống thu thập thông tin phản hồi và nhu cầu của các bên liên quan được thiết lập. Thông tin phản hồi và nhu cầu của các bên liên quan được thu thập, xử lý và sử dụng để thiết kế/phát triển chương trình dạy học. Quy trình thiết kế, phát triển CTĐT/chương trình dạy học được thực hiện theo tài liệu hướng dẫn, được rà soát và cải tiến phù hợp quy định pháp luật và định hướng phát triển của Trường. Hoạt động dạy học, kiểm tra đánh giá và chất lượng các dịch vụ hỗ trợ (thư viện, phòng thí nghiệm, CNTT, dịch vụ khác) được quy định, đánh giá và cải tiến thường xuyên. Đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên có nghiên cứu khoa học liên quan hoạt động dạy – học, kết quả được chuyển hóa vào nội dung giảng dạy và cải tiến hoạt động học tập của người học. Cơ chế phản hồi của bên liên quan vận hành có hệ thống; chính sách bảo đảm chất lượng, quy định và công cụ khảo sát định kỳ được đánh giá, cập nhật và hoàn thiện.

11. Nhà trường đã xác lập, giám sát được các tiêu chí: tỷ lệ thôi học, tốt nghiệp đúng hạn, tốt nghiệp; thời gian tốt nghiệp trung bình; tỷ lệ có việc làm; loại hình và các hoạt động nghiên cứu của sinh viên; mức độ hài lòng của các bên liên quan. Tỷ lệ học viên có việc làm sau tốt nghiệp cao, đạt 97,6%, trong đó phần lớn làm việc đúng ngành đào tạo. Hoạt động nghiên cứu khoa học của học viên được khuyến khích và hỗ trợ. Hoạt động khảo sát lấy ý kiến phản hồi của một số các bên liên quan được thực hiện với các nội dung và hình thức khác nhau theo quy trình thống nhất đã ban hành. Một phần lớn kết quả được áp dụng để cải tiến chất lượng CTĐT ngành KHMT ngày một tốt hơn.

II. KIẾN NGHỊ

Tuy nhiên, CTĐT còn những điểm tồn tại cần khắc phục (Chi tiết như đã nêu trong Báo cáo đánh giá ngoài của đoàn Đánh giá ngoài). Trên cơ sở hồ sơ thẩm định và kết quả thảo luận tại phiên họp, Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục kiến nghị Nhà trường cần xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng theo 11 nhóm giải pháp sau đây:

1. Rà soát, cập nhật mục tiêu CTĐT thể hiện rõ tính tiên phong, dẫn dắt, đổi mới, sáng tạo và định hướng trung tâm nghiên cứu xuất sắc phù hợp với Sứ mạng Tầm nhìn của Nhà trường và Luật Giáo dục Đại học; rà soát nội hàm chuẩn đầu ra bảo đảm phù hợp mục tiêu và tuân thủ nguyên tắc SMART; tăng cường tập huấn về xây dựng mục tiêu, chuẩn đầu ra và thiết kế CTĐT dựa trên chuẩn đầu ra đáp ứng yêu cầu các bên liên quan; định kỳ lấy ý kiến bên liên quan; tham chiếu, đối sánh chuẩn đầu ra với CTĐT cùng ngành trong và ngoài nước để cải tiến khách quan, tin cậy; đa dạng hóa kênh công bố chuẩn đầu ra và tăng cường tuyên truyền, hướng dẫn để người học hiểu và nắm rõ chuẩn đầu ra của CTĐT.

2. Rà soát Bản mô tả CTĐT và đề cương chi tiết các học phần; tham khảo và đối sánh nội dung, phương pháp dạy học và phương pháp kiểm tra đánh giá với CTĐT cùng ngành trong/ngoài nước để bảo đảm tính liên ngành, cập nhật và tích hợp; ban hành mẫu đề cương học phần, tập huấn và giám sát triển khai thống

nhất, lấy ý kiến phản biện khách quan trước khi ban hành; rà soát việc phát biểu các chuẩn đầu ra của học phần theo đúng quy định, bảo đảm mức độ đóng góp của các chuẩn đầu ra của học phần vào chuẩn đầu ra của CTĐT, rà soát, đánh giá mức độ tương thích phương pháp dạy học/phương pháp; định kỳ đánh giá hiệu quả các hình thức truyền thông Bản mô tả CTĐT và đề cương học phần, khảo sát mức độ tiếp cận của bên liên quan để tăng minh bạch và thuận tiện góp ý cho các lần cập nhật.

3. Rà soát, đánh giá tính tương thích của hình thức tổ chức dạy học và kiểm tra đánh giá của tất cả các học phần hướng đến đạt chuẩn đầu ra của CTĐT; hoàn thiện các ma trận trong đề cương học phần và ma trận liên kết học phần và chuẩn đầu ra CTĐT; rà soát, điều chỉnh đề cương đầy đủ các học phần trong CTĐT theo hướng “lượng hóa” các chuẩn đầu ra của CTĐT vào các học phần, bảo đảm tính tương thích giữa phương pháp dạy học, phương pháp kiểm tra đánh giá với chuẩn đầu ra, làm rõ và chính xác hơn mức độ đóng góp của mỗi học phần vào thực hiện chuẩn đầu ra của CTĐT; sắp xếp học phần tự chọn theo chuyên ngành/vị trí việc làm; tăng cường hội thảo/ tọa đàm, phỏng vấn nhà tuyển dụng và đối sánh CTĐT trong/ngoài nước để hiệu chỉnh mức đóng góp một cách khách quan; ứng dụng CNTT quản lý chuẩn đầu ra ở cấp CTĐT/học phần/bài học, bảo đảm tương thích ngang, dọc trong toàn bộ CTĐT.

4. Tăng cường truyền thông nhằm giới thiệu hiệu quả Triết lý giáo dục, chú trọng phổ biến đến giảng viên và sinh viên để đảm bảo tính tương thích của CTĐT; ban hành hướng dẫn cụ thể để bên liên quan trong và ngoài Trường tham gia góp ý và vận dụng vào hoạt động giáo dục và đào tạo; tích hợp Triết lý giáo dục vào nội dung học phần thông qua phương pháp dạy học tích cực; điều chỉnh, bổ sung hoạt động hướng dẫn phương pháp nghiên cứu/học tập nhằm đa dạng hóa trải nghiệm, khơi dậy đam mê nghiên cứu khoa học, dẫn dắt sinh viên đạt chuẩn đầu ra học phần và hướng tới chuẩn đầu ra CTĐT; tổng kết và tập huấn phương pháp dạy học, phương pháp kiểm tra đánh giá; bổ sung hướng dẫn tự học, tự nghiên cứu và hoạt động trải nghiệm để phát triển năng lực học tập suốt đời; rà soát, cập nhật đề cương học phần với phương pháp dạy học hiện đại và thiết kế cơ chế khuyến khích tính chủ động, sáng tạo phù hợp từng học phần.

5. Rà soát, chuẩn hóa quy định và hướng dẫn công tác ra đề thi, chấm thi; hoàn thiện quy định xây dựng, quản lý, sử dụng ngân hàng câu hỏi/đề thi cho mọi học phần của CTĐT ngành KHMT; rà soát ngân hàng câu hỏi theo thang đo năng lực, thiết kế ma trận đề bảo đảm bám chuẩn đầu ra từng học phần; ban hành hướng dẫn thống nhất về thiết kế phương pháp/công cụ kiểm tra đánh giá kết quả học tập; tổ chức phân tích phổ điểm định kỳ, đối sánh kết quả giữa kỳ–cuối kỳ; thiết lập quy trình giám sát chấm thi và hậu kiểm toàn Trường, tăng trách nhiệm cán bộ chấm thi (đặc biệt chấm lần 2); hướng dẫn người học khai thác hệ thống tài liệu và tiện ích số của Trường/Khoa; thường xuyên khảo sát ý kiến người học về việc phản hồi và hỗ trợ người học, quy định rõ kênh, thời hạn và cách thức giải đáp thắc mắc cho người học trong quá trình học; ban hành quy trình giải quyết khiếu nại cho kiểm tra đánh giá quá trình/giữa kỳ, chấm khóa luận, báo cáo thực tập; quy định phúc khảo theo hướng bảo đảm quyền lợi sinh viên.

6. Xây dựng bộ chỉ tiêu phát triển đội ngũ rõ ràng, đồng bộ giữa các văn bản chiến lược; phân tích nhu cầu nhân lực theo đặc thù của CTĐT; phát triển phần mềm quản lý toàn diện khối lượng công việc giảng viên; áp dụng giải pháp giảm giảng dạy vượt định mức để cân bằng với nghiên cứu khoa học; bổ sung chính sách thu hút nhân lực chất lượng cao, đa dạng hóa kênh tuyển dụng và tiêu chí đặc thù cho CTĐT; lập kế hoạch phát triển giảng viên có học hàm GS/PGS; xây dựng bộ chỉ số đánh giá năng lực giảng viên toàn diện; tổ chức khảo sát định kỳ nhu cầu bồi dưỡng, theo dõi và đánh giá hiệu quả sau đào tạo; quản lý tập trung các khóa bồi dưỡng, mở rộng nội dung kỹ năng số và phương pháp dạy học hiện đại; lượng hoá các tiêu chí đánh giá kết quả công việc, gắn KPIs/OKRs và phản hồi từ sinh viên; nâng cấp phần mềm giám sát và khảo sát hài lòng của giảng viên để nâng hiệu quả thi đua, khen thưởng; khuyến khích công bố quốc tế, tham gia đề tài Nafosted/cấp Nhà nước; cải tiến mô-đun quản lý khoa học công nghệ phục vụ thống kê, đối sánh và cải tiến chất lượng.

7. Rà soát, quy hoạch đội ngũ nhân viên theo ngắn hạn, trung hạn và dài hạn; dự báo nhu cầu dài hạn theo vị trí việc làm và đặt chỉ tiêu định lượng theo giai đoạn; tổ chức khảo sát bài bản ý kiến giảng viên, người học về mức độ đáp ứng (tinh thần, thái độ, hỗ trợ chuyên môn) của nhân viên và dùng kết quả để cải tiến; ban hành quy định nội bộ về điều chuyển nhân viên; đa dạng hóa kênh công khai quy định tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển; hoàn thiện quy chế đánh giá, xếp hạng theo tiếp cận năng lực, tích hợp kết quả khảo sát hài lòng bên liên quan vào đánh giá nhân viên; tập trung đào tạo, bồi dưỡng theo vị trí việc làm với kế hoạch dài hạn, trung hạn phù hợp Nghị quyết/chiến lược và quy định của Bộ Nội vụ; cụ thể hóa phân công nhiệm vụ hằng năm đến từng nhân viên để thuận lợi cho việc theo dõi, đánh giá và tạo động lực; thực hiện khảo sát cán bộ, nhân viên và người lao động theo đúng quy định về hoạt động khảo sát các bên liên quan của Nhà trường.

8. Tham vấn đa dạng bên liên quan ngoài Trường khi xây dựng Đề án tuyển sinh; phân tích, dự báo nhu cầu nhân lực theo lĩnh vực đào tạo để xác định chỉ tiêu phù hợp và thu hút sinh viên xuất sắc; so sánh, phân tích chất lượng học tập của người học theo từng phương thức tuyển sinh để lựa chọn phương thức tối ưu; ban hành quy trình theo dõi, giám sát sự tiến bộ của người học; tổng kết hằng năm và lập báo cáo làm căn cứ cải tiến giám sát kết quả học tập, khối lượng học tập, rèn luyện; tổ chức khảo sát định kỳ, đa dạng bên liên quan về môi trường tâm lý-xã hội, cảnh quan; lập báo cáo tổng hợp hằng năm để đối sánh kết quả giữa nhóm người học và các bên liên quan, xác định nguyên nhân chưa hài lòng và đề xuất cải tiến các dịch vụ hỗ trợ.

9. Rà soát, nâng cấp khu giảng đường B và C, thay thế thiết bị xuống cấp để tránh ảnh hưởng chất lượng dạy và học; mở rộng đối tượng lấy ý kiến về hoạt động thư viện tới giảng viên, nhân viên và tách riêng kết quả khảo sát về mức độ phù hợp của thư viện về các nguồn học liệu đối với ngành KHMT; xây dựng bộ phiếu hỏi riêng cho giảng viên, người học về mức độ phù hợp phòng thực hành/thí nghiệm làm cơ sở cải tiến hiệu quả sử dụng; hoàn chỉnh phần mềm quản trị đại học tổng thể, đồng bộ hóa quản lý dữ liệu tập trung và hoàn thiện cơ sở dữ liệu

bài giảng E-learning đáp ứng xu hướng chuyển đổi số trong giáo dục đại học; ban hành quy định tiêu chí môi trường, sức khỏe và an toàn của Trường; rà soát, điều chỉnh bộ câu hỏi phản hồi về môi trường, sức khỏe và an toàn, bảo đảm lưu ý tới đối tượng là người khuyết tật.

10. Thu thập thông tin về nhu cầu đào tạo và yêu cầu năng lực của các vị trí việc làm từ đơn vị sử dụng lao động làm căn cứ rà soát, điều chỉnh, phát triển CTĐT, chương trình dạy học; rà soát, tích hợp và chuẩn hóa quy định, quy trình thiết kế, phát triển, chỉnh sửa CTĐT, chương trình dạy học, quy định chi tiết việc sử dụng ma trận chuẩn đầu ra trong thiết kế và rà soát đề cương học phần; tách riêng kết quả khảo sát giảng dạy và đánh giá kết quả học tập của giảng viên đối với người học cho từng CTĐT, đánh giá mức độ tương thích phương pháp dạy học, phương pháp kiểm tra đánh giá với chuẩn đầu ra học phần; kết hợp nghiên cứu khoa học chuyên ngành với nghiên cứu phát triển CTĐT, chương trình dạy học; đổi mới phương pháp dạy học và kiểm tra đánh giá của chính CTĐT; rà soát bộ phiếu và đánh giá đầy đủ chất lượng dịch vụ hỗ trợ (thư viện, phòng thí nghiệm/thực hành, hệ thống CNTT), tách riêng kết quả cho CTĐT; tăng cường cơ chế kết nối, chia sẻ và sử dụng phản hồi từ các bên liên quan, nâng cao hiệu quả khai thác kết quả khảo sát để cải tiến chất lượng dạy và học của CTĐT.

11. Rà soát và triển khai giải pháp phù hợp để rút ngắn thời gian đào tạo (tạo điều kiện SV tốt nghiệp trước hạn) nhưng vẫn BĐCL; chú trọng phát triển nghiên cứu khoa học, khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo của sinh viên về quy trình, số lượng, chất lượng và tính ứng dụng; khuyến khích công bố khoa học; tổ chức khảo sát định kỳ theo quy định, mở rộng đối tượng tới nhà tuyển dụng ở nhiều lĩnh vực/địa phương có cựu sinh viên Nhà trường; đối sánh CTĐT với các trường trong/ngoài nước theo các chỉ số và nội dung của Tiêu chuẩn 11; áp dụng quản trị theo nguyên lý và chu trình PDCA trong xây dựng, triển khai, cải tiến CTĐT; phát triển đội ngũ giảng viên, cán bộ quản lý; hỗ trợ nghiên cứu, đào tạo và phát triển cơ sở vật chất, trang thiết bị nhằm đạt chuẩn đầu ra của CTĐT ngành KHMT.

Trên đây là những kiến nghị của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục với 11 nhóm giải pháp, Nhà trường cần nghiên cứu kỹ Báo cáo đánh giá ngoài của đoàn Đánh giá ngoài để xây dựng kế hoạch với những giải pháp cụ thể và triển khai thực hiện cải tiến chất lượng chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Khoa học máy tính của Nhà trường. Sau nửa chu kỳ kiểm định chất lượng giáo dục (vào thời điểm 2,5 năm sau khi được công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục), Nhà trường cần có báo cáo kết quả thực hiện cải tiến chất lượng chương trình đào tạo gửi Bộ Giáo dục và Đào tạo và Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục Thăng Long theo quy định hiện hành./.